PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Thông tư số 06/2015/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 02 năm 2015 ban hành Danh mục thiết bị dạy nghề trọng điểm cấp độ quốc gia trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề cho các nghề: Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính; Quản trị mạng máy tính; Kỹ thuật xây dựng; Cắt gọt kim loại; Hàn; Công nghệ ô tô; Điện dân dụng; Điện công nghiệp; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; Điện tử dân dụng; Điện tử công nghiệp; May thời trang; Nghiệp vụ nhà hàng - Quản trị nhà hàng; Kỹ thuật chế biến món ăn

Phụ lục
Danh mục thiết bị dạy nghề trọng điểm cấp độ quốc gia trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề cho các nghề: Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính; Quản trị mạng máy tính; Kỹ thuật xây dựng; Cắt gọt kim loại; Hàn; Công nghệ ô tô; Điện dân dụng; Điện công nghiệp; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; Điện tử dân dụng; Điện tử công nghiệp; May thời trang; Nghiệp vụ nhà hàng - Quản trị nhà hàng; Kỹ thuật chế biến món ăn

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

(Tiếp theo Công báo số 343 + 344)

Phụ lục 12b

DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ TRỌNG ĐIỂM CẤP ĐỘ QUỐC GIA NGHỀ MAY THỜI TRANG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên nghề: May Thời trang
Mã nghề: 50540205
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Phần A
DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
THEO TỪNG MÔN HỌC, MÔ ĐUN

Bảng 09. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: THIẾT KẾ TRANG PHỤC 1

Tên nghề: May thời trang
Mã số mô đun: MĐ 15
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bàn thiết kế	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành thiết kế sản phẩm	- Chiều cao: (70 ÷ 90)cm - Chiều dài: (120 ÷ 180)cm - Chiều rộng: (70 ÷ 90)cm
2	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt giấy	*Chiếc*	*18*		
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*03*		
	Kẹp xâu chỉ	*Chiếc*	*03*		
	Con lăn sao mẫu	*Chiếc*	*18*		
	Dập ghim	*Chiếc*	*18*		
	Bấm dấu	*Chiếc*	*18*		
	Cắt băng keo	*Chiếc*	*18*		
	Tấm kê trổ mẫu	*Tấm*	*18*		
3	Thước đo	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*18*		
	Thước dây	*Chiếc*	*18*		
	Thước vuông	*Chiếc*	*18*		
	Thước cong	*Chiếc*	*18*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
4	Ma nơ canh toàn thân	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn cách đo, khoác trang phục mẫu trực quan và thử sửa mẫu sau khi thiết kế	- Ghim được mẫu - Kích thước theo cỡ: S, M, L
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Ma nơ canh nam	*Chiếc*	*03*		
	Ma nơ canh nữ	*Chiếc*	*03*		
5	Sản phẩm mẫu	Bộ	01	Dùng để mô tả chính xác đặc điểm kiểu mẫu cần thiết kế	Đẹp, đúng yêu cầu môn học, mang tính thời trang
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Áo sơ mi nam dài tay cổ đứng, chân rời	*Chiếc*	*01*		
	Áo bu dông nam cộc tay	*Chiếc*	*01*		
	Áo sơ mi nữ cổ 2 ve	*Chiếc*	*01*		
	Áo sơ mi nữ cổ lá sen	*Chiếc*	*01*		
	Quần âu nam 2 ly xuôi	*Chiếc*	*01*		
	Quần âu nam 1 ly lật	*Chiếc*	*01*		
	Quần âu nữ xăng ly ống côn	*Chiếc*	*01*		
6	Bộ treo sản phẩm	Bộ	*01*	Dùng để treo sản phẩm	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
7	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
8	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 10. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: MAY ÁO SƠ MI NAM, NỮ

Tên nghề: May thời trang
Mã số mô đun: MĐ 16
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành may áo sơ mi nam, nữ	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy may hai kim	Bộ	02		Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
3	Máy vắt sổ	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành vắt sổ áo sơ mi nam, nữ	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
4	Máy thùa khuyết đầu bằng	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành thùa khuyết áo sơ mi nam, nữ	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
5	Máy đính cúc	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính cúc áo sơ mi nam, nữ	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
6	Máy đính bọ	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính bọ áo sơ mi nam, nữ	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
7	Máy lộn cổ	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành lộn cổ áo sơ mi nam, nữ	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
8	Máy ép mex	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép mex chi tiết áo sơ mi nam, nữ	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Phù hợp với yêu cầu giảng dạy
9	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành là hoàn thiện áo sơ mi nam, nữ	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tai thời điểm mua sắm
10	Bàn là nhiệt	Bộ	03		Công suất: ≥ 1500W

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
11	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn thực hành sửa, sang dấu áo sơ mi nam, nữ	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (90 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
12	Dụng cụ nghề may	Bộ	1	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*18*		
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*03*		
	Kẹp xâu chỉ	*Chiếc*	*03*		
13	Thước đo	Bộ	1	Dùng để hướng dẫn thực hành đo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*18*		
	Thước dây	*Chiếc*	*18*		
14	Ma nơ canh bán thân	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành mặc và thử sửa sản phẩm	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Ma nơ canh nam	*Chiếc*	*03*		
	Ma nơ canh nữ	*Chiếc*	*03*		
15	Dưỡng may cổ	Bộ	03	Dùng để hướng dẫn thực hành thực hành may cổ áo	Theo thông số chuẩn của từng loại cổ
16	Dưỡng may măng sét	Bộ	03	Dùng để hướng dẫn thực hành thực hành may măng sét	Theo thông số chuẩn của từng loại măng sét
17	Các loại đồ cữ, gá	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn cách sử dụng đồ cữ, gá trong quá trình may sản phẩm	Phù hợp với từng sản phẩm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Gá lộn cổ	*Chiếc*	*01*		
	Gá cuốn gấu	*Chiếc*	*01*		
	Gá cuốn nẹp	*Chiếc*	*01*		
	Gá cuốn thép tay	*Chiếc*	*01*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Cữ viền mép	*Chiếc*	*01*		
	Cữ thùa, đính cúc	*Chiếc*	*01*		
18	Bộ treo sản phẩm	Bộ	*01*	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
19	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	01	Dùng để lưu trữ nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm	Phù hợp trong nghề may
20	Mẫu bán chế phẩm	Bộ	02	Dùng để giới thiệu trình tự và phương pháp may các bộ phận chủ yếu của sản phẩm	Đủ các bộ phận chủ yếu áo sơ mi nam, nữ
21	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
22	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 11. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: MAY QUẦN ÂU NAM, NỮ

Tên nghề: May thời trang
Mã số mô đun: MĐ 17
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành may sản phẩm	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy may hai kim	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
3	Máy vắt sổ	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành vắt sổ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 5000 vòng/phút
4	Máy thùa khuyết đầu bằng	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành thùa khuyết sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
5	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 2200 vòng/phút
6	Máy đính cúc	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính cúc sản phẩm	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
7	Máy đính bọ	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính bọ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
8	Máy vắt gấu	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành vắt gấu sản phẩm	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
9	Máy ép mex	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép mex chi tiết sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Phù hợp với yêu cầu giảng dạy
10	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành là hoàn thiện sản phẩm	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tai thời điểm mua sắm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
11	Bàn là nhiệt	Bộ	03	Dùng để hướng dẫn thực hành là chi tiết sản phẩm	Công suất: ≥ 1500W
12	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn thực hành sửa, sang dấu sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (90 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
13	Dụng cụ nghề may	Bộ	1	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*18*		
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*03*		
	Kẹp xâu chỉ	*Chiếc*	*03*		
14	Thước đo	Bộ	1	Dùng để hướng dẫn thực hành đo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*18*		
	Thước dây	*Chiếc*	*18*		
15	Ma nơ canh toàn thân	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành mặc và thử sửa sản phẩm	- Ghim được mẫu.. - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Ma nơ canh nam	*Chiếc*	*03*		
	Ma nơ canh nữ	*Chiếc*	*03*		
16	Dưỡng bổ túi	Bộ	03	Dùng để hướng dẫn thực hành thực hành may túi quần âu nam, nữ	Theo thông số chuẩn của từng loại túi
17	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
18	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	01	Dùng để lưu trữ nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm	Phù hợp trong nghề may
19	Mẫu bán chế phẩm	Bộ	02	Dùng để giới thiệu trình tự và phương pháp may các bộ phận chủ yếu của sản phẩm	Đủ các bộ phận chủ yếu quần âu nam, nữ
20	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
21	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 12. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: THIẾT KẾ TRANG PHỤC 2

Tên nghề: May thời trang
Mã số mô đun: MĐ 18
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bàn thiết kế	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành thiết kế sản phẩm	- Chiều cao: (70 ÷ 90)cm - Chiều dài: (120 ÷ 180)cm - Chiều rộng: (70 ÷ 90)cm
2	Thước đo	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*18*		
	Thước dây	*Chiếc*	*18*		
	Thước vuông	*Chiếc*	*18*		
	Thước cong	*Chiếc*	*18*		
3	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	18		
	Kéo cắt giấy	*Chiếc*	*18*		
	Con lăn sao mẫu	*Chiếc*	*18*		
	Dập ghim	*Chiếc*	*18*		
	Bấm dấu	*Chiếc*	*18*		
	Cắt băng keo	*Chiếc*	18		
	Tấm kê trổ mẫu	*Tấm*	18		
4	Ma nơ canh bán thân	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn cách đo, khoác trang phục mẫu trực quan và thử sửa mẫu sau khi thiết kế	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Ma nơ canh nam	*Chiếc*	*03*		
	Ma nơ canh nữ	*Chiếc*	*03*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
5	Sản phẩm mẫu	Bộ	01	Dùng để mô tả chính xác đặc điểm kiểu mẫu cần thiết kế	Đẹp, đúng yêu cầu môn học, mang tính thời trang
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Áo gió hai lớp	*Chiếc*	*01*		
	Áo Jacket nam ba lớp dáng thẳng	*Chiếc*	*01*		
	Áo Jacket nữ ba lớp dáng eo	*Chiếc*	*01*		
6	Bộ treo sản phẩm	Bộ	*01*	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
7	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
8	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 13. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: MAY ÁO JACKET

Tên nghề: May thời trang
Mã số mô đun: MĐ 19
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành may áo jacket	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy may hai kim	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành may các đường may song song áo jacket	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
3	Máy vắt sổ	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành vắt sổ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 5000 vòng/phút
4	Máy thùa khuyết đầu bằng	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành thùa khuyết sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
5	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 2200 vòng/phút
6	Máy đính cúc	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính cúc sản phẩm	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
7	Máy đính bọ	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính bọ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
8	Máy trần chun	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành trần chun sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2800 vòng/phút
9	Máy dập cúc	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành dập cúc áo jacket	Tốc độ: ≥ 3600 vòng/phút
10	Máy ép mex	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép mex chi tiết sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Phù hợp với yêu cầu giảng dạy

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
11	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành là hoàn thiện áo jacket	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
12	Bàn là nhiệt	Bộ	03	Dùng để hướng dẫn thực hành là chi tiết áo jacket	Công suất: ≥ 1500W
13	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn thực hành sửa, sang dấu sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (90 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
14	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*18*		
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*03*		
	Kẹp xâu chỉ	*Chiếc*	*03*		
15	Thước đo	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*18*		
	Thước dây	*Chiếc*	*18*		
16	Dưỡng bổ túi	Bộ	03	Dùng để hướng dẫn thực hành thực hành may túi áo jacket	Theo thông số chuẩn của từng loại túi
17	Chân vịt tra khóa	Bộ	06	Dùng để hướng dẫn thực hành tra khóa áo jacket	Phù hợp với yêu cầu sản phẩm
18	Ma nơ canh bán thân	Bộ	01	Dùng để thực hành mặc và thử sửa sản phẩm	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Ma nơ canh nam	*Chiếc*	*03*		
	Ma nơ canh nữ	*Chiếc*	*03*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
19	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
20	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	01	Dùng để lưu trữ nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm	Phù hợp trong nghề may
21	Mẫu bán chế phẩm	Bộ	02	Dùng để giới thiệu trình tự và phương pháp may các bộ phận chủ yếu của sản phẩm	Đủ các bộ phận chủ yếu áo jacket
22	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
23	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 14. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: THIẾT KẾ TRANG PHỤC 3

Tên nghề: May thời trang
Mã số mô đun: MĐ 20
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bàn thiết kế	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành thiết kế sản phẩm	- Chiều cao: (70 ÷ 90)cm - Chiều dài: (120 ÷ 180)cm - Chiều rộng: (70 ÷ 90)cm
2	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt giấy	*Chiếc*	*18*		
	Con lăn sao mẫu	*Chiếc*	*18*		
	Dập ghim	*Chiếc*	*18*		
	Bấm dấu	*Chiếc*	*18*		
	Cắt băng keo	*Chiếc*	*18*		
	Tấm kê trổ mẫu	*Tấm*	*18*		
3	Thước đo	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*18*		
	Thước dây	*Chiếc*	*18*		
	Thước vuông	*Chiếc*	*18*		
	Thước cong	*Chiếc*	*18*		
4	Ma nơ canh bán thân	Bộ	02	Dùng để thực hành đo và thử sửa mẫu sau khi thiết kế	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Ma nơ canh nam	*Chiếc*	*03*		
	Ma nơ canh nữ	*Chiếc*	*03*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
5	Sản phẩm mẫu	Bộ	01	Dùng để giới thiệu mô tả đặc điểm kiểu mẫu cần thiết kế	Đẹp, đúng yêu cầu môn học, mang tính thời trang
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Áo vest nữ 1 lớp kiểu cổ bẻ	*Chiếc*	*01*		
	Áo vest nữ 1 lớp kiểu cổ đứng	*Chiếc*	*01*		
	Áo veston nam cổ ve chữ K (2 ve xuôi)	*Chiếc*	*01*		
	Áo veston nam 2 hàng khuy, ve xếch	*Chiếc*	*01*		
6	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
7	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
8	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 15. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: MAY ÁO VEST NỮ MỘT LỚP

Tên nghề: May thời trang
Mã số mô đun: MĐ 21
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành thực hành may áo vest nữ một lớp	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy may hai kim	Bộ	02		Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
3	Máy vắt sổ	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành vắt sổ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 5000 vòng/phút
4	Máy thùa khuyết đầu bằng	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành thùa khuyết sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
5	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 2200 vòng/phút
6	Máy đính cúc	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính cúc sản phẩm	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
7	Máy đính bọ	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính bọ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
8	Máy đột	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may đột sản phẩm	Tốc độ: ≥ 3600 vòng/phút
9	Máy ép mex	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép mex chi tiết sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Phù hợp với yêu cầu giảng dạy
10	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành là hoàn thiện sản phẩm	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
11	Bàn là nhiệt	Bộ	03	Dùng để hướng dẫn thực hành là chi tiết sản phẩm	Công suất: ≥ 1500W
12	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn thực hành sửa, sang dấu sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (90 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
13	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	18		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	18		
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	18		
	Kim khâu tay	*Vỉ*	03		
	Kẹp xâu chỉ	*Chiếc*	03		
14	Thước đo	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*18*		
	Thước dây	*Chiếc*	*18*		
15	Dưỡng bổ túi	Bộ	03	Dùng để hướng dẫn thực hành may túi	Theo thông số chuẩn của từng loại túi
16	Ma nơ canh nữ	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn thực hành mặc và thử sửa sản phẩm	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
17	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
18	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	01	Dùng để lưu trữ nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm	Phù hợp trong nghề may

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
19	Mẫu bán chế phẩm	Bộ	02	Dùng để giới thiệu trình tự và phương pháp may các bộ phận chủ yếu của sản phẩm	Đủ các bộ phận chủ yếu áo Vest nữ một lớp
20	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
21	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 16. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: THIẾT KẾ MẪU CÔNG NGHIỆP

Tên nghề: May thời trang
Mã số mô đun: MĐ 22
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành may sản phẩm	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy may hai kim	Bộ	02		
3	Máy vắt sổ	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành vắt sổ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 5000 vòng/phút
4	Máy thùa khuyết đầu bằng	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành thùa khuyết sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
5	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 2200 vòng/phút
6	Máy đính cúc	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính cúc sản phẩm	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
7	Máy đính bọ	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính bọ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
8	Máy đột	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may đột sản phẩm	Tốc độ: ≥ 3600 vòng/phút
9	Máy ép mex	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép mex chi tiết sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Phù hợp với yêu cầu giảng dạy
10	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành là hoàn thiện sản phẩm	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tai thời điểm mua sắm
11	Bàn là nhiệt	Bộ	03	Dùng để hướng dẫn thực hành là chi tiết sản phẩm	Công suất: ≥ 1500W

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
12	Bàn giác mẫu	Chiếc	02	Dùng để hướng dẫn thực hành trải giấy, vải trong quá trình giác mẫu	- Dài: (480 ÷ 500)cm - Rộng: (180 ÷ 200)cm - Cao: (70 ÷ 80)cm
13	Bàn thiết kế	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành thiết kế sản phẩm	- Chiều cao: (70 ÷ 90)cm - Chiều dài: (120 ÷ 180)cm - Chiều rộng: (70 ÷ 90)cm
14	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn thực hành sửa, sang dấu sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (90 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
15	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt giấy	*Chiếc*	*18*		
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*03*		
	Kẹp xâu chỉ	*Chiếc*	*03*		
	Con lăn sao mẫu	*Chiếc*	*18*		
	Dập ghim	*Chiếc*	*18*		
	Bấm dấu	*Chiếc*	*18*		
	Cắt băng keo	*Chiếc*	*18*		
	Tấm kê trổ mẫu	*Tấm*	*18*		
16	Thước đo	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*18*		
	Thước dây	*Chiếc*	*18*		
	Thước vuông	*Chiếc*	*18*		
	Thước cong	*Chiếc*	*18*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
17	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
18	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
19	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 17. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ

Tên nghề: May thời trang
Mã số mô đun: MĐ 23
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành may sản phẩm	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy may hai kim	Bộ	02		
3	Máy vắt sổ	Bộ	02	Dùng để thực hành vắt sổ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 5000 vòng/phút
4	Máy thùa khuyết đầu bằng	Bộ	01	Dùng để thực hành thùa khuyết sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
5	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 2200 vòng/phút
6	Máy đính cúc	Bộ	01	Dùng để thực hành đính cúc sản phẩm	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
7	Máy đính bọ	Bộ	01	Dùng để thực hành đính bọ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
8	Máy đột	Bộ	01	Dùng để thực hành may đột sản phẩm	Tốc độ: ≥ 3600 vòng/phút
9	Máy cắt vải đẩy tay	Bộ	01	Sử dụng để thực hành cắt vải	Tốc độ: (3000 ÷ 3600) vòng/phút
10	Máy cắt vòng	Bộ	01	Sử dụng để thực hành cắt gọt các chi tiết	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
11	Máy ép mex	Bộ	01	Dùng để thực hành ép mex chi tiết sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
12	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	02	Dùng để thực hành là hoàn thiện sản phẩm	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
13	Bàn là nhiệt	Bộ	03	Dùng để thực hành là chi tiết sản phẩm	Công suất: ≥ 1500W

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
14	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	03	Dùng để thực hành sửa, sang dấu sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (90 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
15	Bàn kiểm tra sản phẩm	Chiếc	03	Sử dụng thực hành đo và kiểm tra sản phẩm	- Dài: (130 ÷ 160)cm - Rộng: (80 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
16	Bàn trải vải	Chiếc	01	Dùng để thực hành trải vải	- Dài: (600 ÷ 1600)cm - Rộng: (100 ÷ 200)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
17	Găng tay bảo hộ	Đôi	02	Dùng để bảo vệ an toàn trong quá trình cắt bán thành phẩm	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn lao động
18	Que gạt	Chiếc	02	Dùng để gạt phẳng lá vải trong quá trình trải vải	Kích thước: (80 ÷ 100)cm
19	Kẹp đứng	Chiếc	10	Dùng để thực hành	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
20	Kẹp ngang	Chiếc	10		
21	Chặn vải	Chiếc	01	Dùng để chặn đầu bàn trong quá trình trải vải	- Dài: ≤ 2500mm - Rộng: ≤ 100mm - Cao: ≤ 50mm
22	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	03	Dùng để thực hành xác định thời gian tiêu hao trong quá trình gia công sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
23	Máy tính cá nhân	Chiếc	09	Dùng để thực hành tính toán trong quá trình thiết kế sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
24	Dụng cụ nghề may	Bộ	1	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*18*		
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*03*		
	Kẹp xâu chỉ	*Chiếc*	*03*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
25	Thước đo	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*18*		
	Thước dây	*Chiếc*	*18*		
26	Cữ viền mép	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may viền mép của sản phẩm	Phù hợp với từng sản phẩm
27	Dưỡng bổ túi	Bộ	03	Dùng để hướng dẫn thực hành may túi	Theo thông số chuẩn của từng loại túi
28	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Móc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
29	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
30	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 18 DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: MAY ÁO VESTON NAM

Tên nghề: May thời trang
Mã số mô đun: MĐ 24
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành may sản phẩm	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy may hai kim	Bộ	02		
3	Máy vắt sổ	Bộ	02	Dùng để thực hành vắt sổ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 5000 vòng/phút
4	Máy thùa khuyết đầu bằng	Bộ	01	Dùng để thực hành thùa khuyết sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
5	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 2200 vòng/phút
6	Máy đính cúc	Bộ	01	Dùng để thực hành đính cúc sản phẩm	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
7	Máy đính bọ	Bộ	01	Dùng để thực hành đính bọ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
8	Máy đột	Bộ	01	Dùng để thực hành may đột sản phẩm	Tốc độ: ≥ 3600 vòng/phút
9	Máy ép mex	Bộ	01	Dùng để thực hành ép mex chi tiết sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Phù hợp với yêu cầu giảng dạy
10	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	02	Dùng để thực hành là hoàn thiện sản phẩm	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
11	Bàn là nhiệt	Bộ	03	Dùng để thực hành là chi tiết sản phẩm	Công suất: ≥ 1500W
12	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	03	Dùng để thực hành sửa, sang dấu sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (90 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
13	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*18*		
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*03*		
	Kẹp xâu chỉ	*Chiếc*	*03*		
14	Thước đo	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*18*		
	Thước dây	*Chiếc*	*18*		
15	Dưỡng bổ túi	Bộ	03	Dùng để thực hành may túi	Theo thông số chuẩn của từng loại túi
16	Ma nơ canh nam	Chiếc	03	Dùng để mặc và thử sửa sản phẩm	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
17	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
18	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	01	Dùng để lưu trữ nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm	Phù hợp trong nghề may
19	Mẫu bán chế phẩm	Bộ	02	Dùng để giới thiệu trình tự và phương pháp may các bộ phận chủ yếu của sản phẩm	Đủ các bộ phận chủ yếu áo Veston nam
20	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
21	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 19. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: THIẾT KẾ TRANG PHỤC TRÊN MÁY TÍNH

Tên nghề: May thời trang
Mã số mô đun: MĐ 25
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Phần mềm thiết kế mẫu	Bộ	01	Dùng để ứng dụng thiết kế mẫu kỹ thuật	Cài được 19 máy vi tính
2	Máy in màu	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Bàn, ghế máy vi tính	Bộ	19		
4	Máy vi tính	Bộ	19	Dùng để hướng dẫn thực hành thiết kế trang phục trên máy tính	- Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm - Cài đặt được phần mền thiết kế mẫu
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 20. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: CẮT - MAY THỜI TRANG ÁO SƠ MI, QUẦN ÂU

Tên nghề: May thời trang
Mã số mô đun: MĐ 26
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành may sản phẩm	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy may hai kim	Bộ	02		
3	Máy cuốn ống	Bộ	02	Dùng để thực hành cuốn các đường may áo sơ mi	Tốc độ: ≥ 2800 vòng/phút
4	Máy vắt sổ	Bộ	02	Dùng để thực hành vắt sổ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 5000 vòng/phút
5	Máy thùa khuyết đầu bằng	Bộ	01	Dùng để thực hành thùa khuyết sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
6	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 2200 vòng/phút
7	Máy đính cúc	Bộ	01	Dùng để thực hành đính cúc sản phẩm	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
8	Máy dập cúc	Bộ	01	Dùng để thực hành dập cúc sản phẩm	Tốc độ: ≤ 3600 vòng/phút
9	Máy đính bọ	Bộ	01	Dùng để thực hành đính bọ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
10	Máy vắt gấu	Bộ	01	Dùng để vắt gấu sản phẩm	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
11	Máy lộn cổ	Bộ	01	Dùng để thực hành lộn cổ áo sơ mi nam, nữ	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
12	Máy ép mex	Bộ	01	Dùng để thực hành ép mex chi tiết sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Phù hợp với yêu cầu giảng dạy

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
13	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	02	Dùng để thực hành là hoàn thiện sản phẩm	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
14	Bàn là nhiệt	Bộ	03	Dùng để thực hành là chi tiết sản phẩm	Công suất: ≥ 1500W
15	Bàn thiết kế	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành thiết kế sản phẩm	- Chiều cao: (70 ÷ 90)cm - Chiều dài: (120 ÷ 180)cm - Chiều rộng: (70 ÷ 90)cm
16	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	03	Dùng để thực hành sửa, sang dấu sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (90 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
17	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt giấy	*Chiếc*	*18*		
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*03*		
	Kẹp xâu chỉ	*Chiếc*	*03*		
	Con lăn sao mẫu	*Chiếc*	*18*		
	Dập ghim	*Chiếc*	*18*		
	Bấm dấu	*Chiếc*	*18*		
	Cắt băng keo	*Chiếc*	*18*		
	Tấm kê trổ mẫu	*Tấm*	*18*		
18	Thước đo	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*18*		
	Thước dây	*Chiếc*	*18*		
	Thước vuông	*Chiếc*	*18*		
	Thước cong	*Chiếc*	*18*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
19	Ma nơ canh toàn thân	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn cách đo, khoác trang phục mẫu trực quan và thử sửa mẫu	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Ma nơ canh nam	*Chiếc*	*03*		
	Ma nơ canh nữ	*Chiếc*	*03*		
20	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
21	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
22	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 21. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: MAY CÁC SẢN PHẨM NÂNG CAO

Tên nghề: May thời trang
Mã số mô đun: MĐ 27
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành may sản phẩm	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy may hai kim	Bộ	02		
3	Máy vắt sổ	Bộ	02	Dùng để thực hành vắt sổ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 5000 vòng/phút
4	Máy thùa khuyết đầu bằng	Bộ	01	Dùng để thực hành thùa khuyết sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
5	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 2200 vòng/phút
6	Máy đính cúc	Bộ	01	Dùng để thực hành đính cúc sản phẩm	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
7	Máy đính bọ	Bộ	01	Dùng để thực hành đính bọ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
8	Máy dập cúc	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành dập cúc sản phẩm	Tốc độ: ≥ 3600 vòng/phút
9	Máy vắt gấu	Bộ	01	Dùng để thực hành vắt gấu sản phẩm	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
10	Máy đột	Bộ	01	Dùng để thực hành may đột sản phẩm	Tốc độ: ≥ 3600 vòng/phút
11	Máy trần chun	Bộ	01	Dùng để thực hành trần chun sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2800 vòng/phút
12	Máy ép mex	Bộ	01	Dùng để thực hành ép mex chi tiết sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Phù hợp với yêu cầu giảng dạy

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
13	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	02	Dùng để thực hành là hoàn thiện sản phẩm	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
14	Bàn là nhiệt	Bộ	03	Dùng để thực hành là chi tiết sản phẩm	Công suất: ≥ 1500W
15	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	03	Dùng để thực hành sửa, sang dấu sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (90 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
16	Dụng cụ nghề may	Bộ	1	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*18*		
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*03*		
	Kẹp xâu chỉ	*Chiếc*	*03*		
17	Thước đo	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*18*		
	Thước dây	*Chiếc*	*18*		
18	Dưỡng may cổ	Bộ	06	Dùng để thực hành may cổ áo	Theo thông số chuẩn của từng loại cổ
19	Dưỡng may măng sét	Bộ	06	Dùng để thực hành may măng sét	Theo thông số chuẩn của từng loại măng sét
20	Dưỡng bổ túi	Bộ	03	Dùng để thực hành may túi các sản phẩm	Theo thông số chuẩn của từng loại túi
21	Chân vịt tra khóa	Bộ	06	Dùng để thực hành tra khóa sản phẩm	Phù hợp với yêu cầu sản phẩm
22	Ma nơ canh toàn thân	Bộ	02	Dùng để mặc và thử sửa sản phẩm	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Ma nơ canh nam	*Chiếc*	*03*		
	Ma nơ canh nữ	*Chiếc*	*03*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
23	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
24	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	01	Dùng để lưu trữ nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm	Phù hợp trong nghề may
25	Mẫu bán chế phẩm	Bộ	02	Dùng để giới thiệu trình tự và phương pháp may các bộ phận chủ yếu của sản phẩm	Đủ các bộ phận chủ yếu các sản phẩm nâng cao
26	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
27	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 22. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: ĐỒ HỌA TRANG PHỤC

Tên nghề: May thời trang
Mã số mô đun: MĐ 28
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Phần mềm đồ họa	Bộ	01	Sử dụng thiết kế đồ họa trên máy vi tính	Cài được 19 máy vi tính
2	Máy in màu	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Bàn, ghế máy vi tính	Bộ	19		
4	Máy vi tính	Bộ	19	Dùng để vẽ đồ họa các kiểu dáng trang phục	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800x 1800)mm

Bảng 23. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: THIẾT KẾ TRANG PHỤC 4

Tên nghề: May thời trang
Mã số mô đun: MĐ 29
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bàn thiết kế	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành thiết kế sản phẩm	- Chiều cao: (70 ÷ 90)cm - Chiều dài: (120 ÷ 180)cm - Chiều rộng: (70 ÷ 90)cm
2	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt giấy	*Chiếc*	*18*		
	Con lăn sao mẫu	*Chiếc*	*18*		
	Dập ghim	*Chiếc*	*18*		
	Bấm dấu	*Chiếc*	*18*		
	Cắt băng keo	*Chiếc*	*18*		
	Tấm kê trổ mẫu	*Tấm*	*18*		
3	Thước đo	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*18*		
	Thước dây	*Chiếc*	*18*		
	Thước vuông	*Chiếc*	*18*		
	Thước cong	*Chiếc*	*18*		
4	Ma nơ canh nữ toàn thân	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn cách đo, khoác trang phục mẫu trực quan và thử sửa mẫu sau khi thiết kế	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
5	Sản phẩm mẫu	Bộ	01	Dùng để mô tả chính xác đặc điểm kiểu mẫu cần thiết kế	Đẹp, đúng yêu cầu môn học, mang tính thời trang
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Váy cơ bản	*Chiếc*	*01*		
	Váy xòe	*Chiếc*	*01*		
	Váy liền áo	*Chiếc*	*01*		
6	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
7	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
8	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 24. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: MAY VÁY, ÁO VÁY

Tên nghề: May thời trang
Mã số mô đun: MĐ 30
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành may sản phẩm	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy may hai kim	Bộ	02		
3	Máy vắt sổ	Bộ	02	Dùng để thực hành vắt sổ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 5000 vòng/phút
4	Máy thùa khuyết đầu bằng	Bộ	01	Dùng để thực hành thùa khuyết sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
5	Máy đính cúc	Bộ	01	Dùng để thực hành đính cúc sản phẩm	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
6	Máy ép mex	Bộ	01	Dùng để thực hành ép mex chi tiết sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Phù hợp với yêu cầu giảng dạy
7	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	01	Dùng để thực hành là hoàn thiện sản phẩm	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
8	Bàn là nhiệt	Bộ	03		Công suất: ≥ 1500W
9	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	03	Dùng để thực hành sửa, sang dấu sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (90 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
10	Dụng cụ nghề may	Bộ	1	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*18*		
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*03*		
	Kẹp xâu chỉ	*Chiếc*	*03*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
11	Thước đo	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*18*		
	Thước dây	*Chiếc*	*18*		
12	Chân vịt tra khóa giọt lệ	Bộ	06	Dùng để tra khóa váy, áo váy	Phù hợp với yêu cầu sản phẩm
13	Ma nơ canh toàn thân nữ	*Chiếc*	*03*	Dùng để mặc và thử sửa sản phẩm	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
14	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
15	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	01	Dùng để lưu trữ nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm	Phù hợp trong nghề may
16	Mẫu bán chế phẩm	Bộ	02	Dùng để giới thiệu trình tự và phương pháp may các bộ phận chủ yếu của sản phẩm	Đủ các bộ phận chủ yếu váy, áo váy
17	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
18	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 25. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: THIẾT KẾ TRANG PHỤC 5

Tên nghề: May thời trang
Mã số mô đun: MĐ 31
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bàn thiết kế	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành thiết kế sản phẩm	- Chiều cao: (70 ÷ 90)cm - Chiều dài: (120 ÷ 180)cm - Chiều rộng: (70 ÷ 90)cm
2	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt giấy	*Chiếc*	*18*		
	Con lăn sao mẫu	*Chiếc*	*18*		
	Dập ghim	*Chiếc*	*18*		
	Bấm dấu	*Chiếc*	*18*		
	Cắt băng keo	*Chiếc*	*18*		
	Tấm kê trổ mẫu	*Tấm*	*18*		
3	Thước đo	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*18*		
	Thước dây	*Chiếc*	*18*		
	Thước vuông	*Chiếc*	*18*		
	Thước cong	*Chiếc*	*18*		
4	Ghim gài	Vỉ	03	Dùng để ghim vải trong quá trình thiết kế	Bằng thép không gỉ

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
5	Ma nơ canh nữ toàn thân	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn cách đo, khoác trang phục mẫu trực quan và thử sửa mẫu sau khi thiết kế	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
6	Sản phẩm mẫu	Bộ	01	Dùng để mô tả chính xác đặc điểm kiểu mẫu cần thiết kế	Đẹp, đúng yêu cầu môn học, mang tính thời trang
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Áo dài nữ cổ đứng tròn, tay raglan	*Chiếc*	*01*		
	Áo dài nữ cổ thuyền, tay raglan	*Chiếc*	*01*		
	Áo dài Thượng Hải	*Chiếc*	*01*		
7	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
8	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
9	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 26. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: MAY ÁO DÀI

Tên nghề: May thời trang
Mã số mô đun: MĐ 32
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành may sản phẩm	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy vắt sổ	Bộ	02	Dùng để thực hành vắt sổ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 5000 vòng/phút
3	Máy ép mex	Bộ	01	Dùng để thực hành ép mex chi tiết sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Phù hợp với yêu cầu giảng dạy
4	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	01	Dùng để thực hành là hoàn thiện sản phẩm	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
5	Bàn là nhiệt	Bộ	03		Công suất: ≥ 1500W
6	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	03	Dùng để thực hành sửa, sang dấu sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (90 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
7	Dụng cụ nghề may	Bộ	1	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*18*		
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*03*		
	Kẹp xâu chỉ	*Chiếc*	*03*		
8	Thước đo	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*18*		
	Thước dây	*Chiếc*	*18*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
9	Ghim gài	Vỉ	03	Dùng để ghim vải trong quá trình thiết kế	Bằng thép không gỉ
10	Đe tay	Chiếc	18	Dùng để khâu lược	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
11	Chân vịt tra khóa giọt lệ	Bộ	06	Dùng tra khóa váy, áo váy	Phù hợp với yêu cầu sản phẩm
12	Ma nơ canh nữ toàn thân	Chiếc	03	Dùng để mặc và sửa sản phẩm	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
13	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
14	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	01	Dùng để lưu trữ nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm	Phù hợp trong nghề may
15	Mẫu bán chế phẩm	Bộ	02	Dùng để giới thiệu trình tự và phương pháp may các bộ phận chủ yếu của sản phẩm	Đủ các bộ phận chủ yếu áo dài
16	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
17	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 27. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔN HỌC: TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH

Tên nghề: May thời trang
Mã số môn học: MH 33
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để tăng âm trong phòng	
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		*Phù hợp với công suất loa*
	Micro	*Chiếc*	*01*		*Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm*
	Loa	*Chiếc*	*01*		*Công suất loa: ≥ 20W*
2	Bàn, ghế máy tính	Bộ	19	Dùng để hướng dẫn thực hành	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Máy vi tính	Bộ	19	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
4	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 28. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: GIÁC SƠ ĐỒ TRÊN MÁY TÍNH

Tên nghề: May thời trang
Mã số môn học: MĐ 34
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Phần mềm giác sơ đồ	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn và thực hành giác sơ đồ trên máy tính	Cài được 19 máy vi tính
2	Máy vi tính	Bộ	19	Dùng để hướng dẫn thực hành	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Bàn, ghế máy vi tính	Bộ	19		
4	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 29. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: CÔNG NGHỆ LÀ SẢN PHẨM VÀ HOÀN TẤT SẢN PHẨM

Tên nghề: May thời trang
Mã số mô đun: MĐ 35
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	01	Sử dụng hướng dẫn thực hành là sản phẩm	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Bàn là nhiệt	Bộ	03		Công suất: ≥ 1500W
3	Cầu là	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn thực hành là chi tiết của sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
4	Bàn gấp sản phẩm	Bộ	06	Dùng để hướng dẫn thực hành gấp định hình sản phẩm	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
5	Ghim gài	Vỉ	03	Dùng để cố định gấp sản phẩm	Bằng thép không gỉ
6	Thước đo	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*18*		
	Thước dây	*Chiếc*	*18*		
7	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
8	Tủ đựng sản phẩm, bài thực hành là	Chiếc	02	Dùng để đựng sản phẩm là, gấp, bài thực hành	Theo kết cấu từng loại sản phẩm gấp và treo

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
9	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Thông số kỹ thuật thông dụng tại thời điểm mua sắm
10	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 30. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: TRẢI VẢI VÀ CẮT CÔNG NGHIỆP

Tên nghề: May thời trang
Mã số mô đun: MĐ 36
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy cắt đẩy tay	Chiếc	02	Dùng để thực hành cắt phá, cắt các chi tiết trên bàn cắt	Tốc độ: (3000 ÷ 3600) vòng/phút
2	Máy cắt vòng	Chiếc	01	Sử dụng để thực hành cắt gọt các chi tiết	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
3	Máy cắt xén đầu bàn	Bộ	01	Dùng để thực hành cắt xén vải	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
4	Máy khoan dấu	Chiếc	01	Dùng để làm dấu cho các chi tiết	Công suất: ≥ 750W
5	Bàn trải vải	Chiếc	01	Dùng để thực hành trải vải	Kích thước: - Dài: (600 ÷ 1600)cm - Rộng: (100 ÷ 200)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
6	Găng tay bảo hộ	Đôi	02	Dùng để bảo vệ an toàn trong quá trình cắt bán thành phẩm	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn lao động
7	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt giấy	*Chiếc*	*18*		
8	Thước dây	Chiếc	19	Dùng để thực hành đo thông số, kiểm tra thông số chi tiết	Chiều dài: ≥ 1500mm
9	Que gạt	Chiếc	02	Dùng để gạt phẳng lá vải trong quá trình trải vải	Kích thước: (80 ÷ 100)cm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
10	Kẹp đứng	Chiếc	10	Dùng để thực hành	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
11	Kẹp ngang	Chiếc	10		
12	Dụng cụ vẽ	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành vẽ	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước kẻ	*Chiếc*	*18*		
	Thước chữ T	*Chiếc*	*18*		
	Ê ke	*Chiếc*	*18*		
13	Chặn vải	Chiếc	01	Dùng để chặn đầu bàn trong quá trình trải vải	- Dài: ≤ 2500mm - Rộng: ≤ 100mm - Cao: ≤ 50mm
14	Ghim gài	Vỉ	03	Sử dụng gài giữ vải đảm bảo an toàn khi cắt	Bằng thép không gỉ
15	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
16	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 31. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: MAY TRANG PHỤC CÔNG SỞ

Tên nghề: May thời trang
Mã số mô đun: MĐ 37
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	18	Dùng để thực hành may	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy may hai kim	Bộ	02		
3	Máy vắt sổ	Bộ	02	Dùng để thực hành vắt sổ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 5000 vòng/phút
4	Máy vắt gấu	Bộ	01	Dùng để thực hành vắt gấu sản phẩm	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
5	Máy lộn cổ	Bộ	01	Dùng để thực hành lộn cổ áo sơ mi nam, nữ	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
6	Máy thùa khuyết đầu bằng	Bộ	01	Dùng để thực hành thùa khuyết sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
7	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 2200 vòng/phút
8	Máy đính cúc	Bộ	01	Dùng để thực hành đính cúc sản phẩm	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
9	Máy đính bọ	Bộ	01	Dùng để thực hành đính bọ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
10	Máy đột	Bộ	01	Dùng để thực hành may đột sản phẩm	Tốc độ: ≥ 3600 vòng/phút
11	Máy trần chun	Bộ	01	Dùng để thực hành trần chun sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2800 vòng/phút
12	Máy dập cúc	Bộ	01	Dùng để thực hành dập cúc sản phẩm	Tốc độ: ≥ 3600 vòng/phút
13	Máy vắt gấu	Bộ	01	Dùng để thực hành vắt gấu sản phẩm	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
14	Máy ép mex	Bộ	01	Dùng để thực hành ép mex chi tiết sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Phù hợp với yêu cầu giảng dạy

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
15	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	02	Dùng để là hoàn thiện sản phẩm	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
16	Bàn là nhiệt	Bộ	03	Dùng để là chi tiết sản phẩm	Công suất: ≥ 1500W
17	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	03	Dùng để sửa, sang dấu sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (90 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
18	Dụng cụ nghề may	Bộ	1	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*18*		
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*03*		
	Kẹp xâu chỉ	*Chiếc*	*03*		
19	Thước đo	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*18*		
	Thước dây	*Chiếc*	*18*		
20	Dưỡng may cổ	Bộ	03	Dùng để thực hành may cổ áo	Theo thông số chuẩn của từng loại cổ
21	Dưỡng may măng sét	Bộ	03	Dùng để thực hành may măng sét	Theo thông số chuẩn của từng loại măng sét
22	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
23	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
24	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 32. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: CẮT - MAY THỜI TRANG ÁO KHOÁC NGOÀI

Tên nghề: May thời trang
Mã số mô đun: MĐ 38
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành may sản phẩm	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy may hai kim	Bộ	02		
3	Máy vắt sổ	Bộ	02	Dùng để thực hành vắt sổ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 5000 vòng/phút
4	Máy thùa khuyết đầu bằng	Bộ	01	Dùng để thực hành thùa khuyết sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
5	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 2200 vòng/phút
6	Máy đính bọ	Bộ	01	Dùng để thực hành đính bọ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
7	Máy trần chun	Bộ	01	Dùng để trần chun sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2800 vòng/phút
8	Máy ép mex	Bộ	01	Dùng để thực hành ép mex chi tiết sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Phù hợp với yêu cầu giảng dạy
9	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	02	Dùng để thực hành là hoàn thiện sản phẩm	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
10	Bàn là nhiệt	Bộ	03	Dùng để thực hành là chi tiết sản phẩm	Công suất: ≥ 1500W
11	Bàn thiết kế	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành thiết kế sản phẩm	- Chiều cao: (70 ÷ 90)cm - Chiều dài: (120 ÷ 180)cm - Chiều rộng: (70 ÷ 90)cm
12	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	03	Dùng để sửa, sang dấu sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (90 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
13	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt giấy	*Chiếc*	*18*		
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*03*		
	Kẹp xâu chỉ	*Chiếc*	*03*		
	Con lăn sao mẫu	*Chiếc*	*18*		
	Dập ghim	*Chiếc*	*18*		
	Bấm dấu	*Chiếc*	*18*		
	Cắt băng keo	*Chiếc*	*18*		
	Tấm kê trổ mẫu	*Tấm*	*18*		
14	Thước đo	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*18*		
	Thước dây	*Chiếc*	*18*		
	Thước vuông	*Chiếc*	*18*		
	Thước cong	*Chiếc*	*18*		
15	Ma nơ canh bán thân	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn cách đo, khoác trang phục mẫu trực quan và thử sửa mẫu	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Ma nơ canh nam	*Chiếc*	*03*		
	Ma nơ canh nữ	*Chiếc*	*03*		
16	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
17	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
18	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 33. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔN HỌC: MARKETING

Tên nghề: May thời trang
Mã số môn học: MH 39
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 34. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Tên nghề: May thời trang
Mã số mô đun: MĐ 40
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Phần B
TỔNG HỢP THIẾT BỊ DẠY NGHỀ CHO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN

Bảng 35. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ CHO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN

Tên nghề: May thời trang
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	THIẾT BỊ AN TOÀN			
1	Dụng cụ cứu thương	Bộ	01	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về dụng cụ y tế
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Tủ thuốc	*Chiếc*	*01*	
	Xe đẩy	*Chiếc*	*01*	
	Túi cứu thương	*Chiếc*	*01*	
	Cáng cứu thương	*Chiếc*	*01*	
	Găng tay	*Đôi*	*01*	
	Panh, kéo	*Chiếc*	*01*	
	Hộp dụng cụ sơ cứu	*Hộp*	*01*	
2	Dụng cụ phòng cháy, chữa cháy	Bộ	01	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về phòng cháy, chữa cháy
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Bình cứu hỏa dạng lỏng	*Chiếc*	*01*	
	Bình cứu hỏa dạng khí	*Chiếc*	*01*	
	Bình cứu hỏa dạng bọt	*Chiếc*	*01*	
	Cuộn dây chữa cháy và vòi	*Cuộn*	*01*	
	Họng cấp nước	*Chiếc*	*01*	
	Bảng tiêu lệnh chữa cháy	*Bộ*	*01*	
3	Bảo hộ lao động	Bộ	01	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn lao động
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Quần áo bảo hộ	*Bộ*	*01*	
	Mũ bảo hộ	*Chiếc*	*01*	
	Giầy bảo hộ	*Đôi*	*01*	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Khẩu trang bảo hộ	*Chiếc*	*01*	
	Nút chống ồn	*Đôi*	*01*	
	Găng tay bảo hộ	*Đôi*	*02*	
	THIẾT BỊ CHUYÊN NGÀNH			
4	Máy may một kim	Bộ	18	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
5	Máy may hai kim	Bộ	02	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
6	Máy vắt sổ	Bộ	02	Tốc độ: ≥ 5000 vòng/phút
7	Máy cuốn ống	Bộ	02	Tốc độ: ≥ 2800 vòng/phút
8	Máy thùa khuyết đầu bằng	Bộ	01	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
9	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01	Tốc độ:≥ 2200 vòng/phút
10	Máy dập cúc	Bộ	01	Tốc độ: ≥ 3600 vòng/phút
11	Máy đính cúc	Bộ	01	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
12	Máy đính bọ	Bộ	01	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
13	Máy đột	Bộ	01	Tốc độ: ≥ 3600 vòng/phút
14	Máy lộn cổ	Bộ	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
15	Máy vắt gấu	Bộ	01	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
16	Máy trần chun	Bộ	01	Tốc độ: ≥ 2800 vòng/phút
17	Máy ép mex	Bộ	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Phù hợp với yêu cầu giảng dạy
18	Máy cắt vòng	Bộ	01	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
19	Máy xác định độ bền vải	Bộ	1	Thiết bị chuyên dùng trong phòng thí nghiệm
20	Máy cắt vải đẩy tay	Chiếc	02	Tốc độ: (3000 ÷ 3600) vòng/phút
21	Máy cắt xén đầu bàn	Bộ	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
22	Máy khoan dấu	Chiếc	01	Công suất: ≥ 750W
23	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	02	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
24	Bàn là nhiệt	Bộ	03	Công suất: ≥ 1500W

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
25	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Dùi	*Chiếc*	*18*	
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*35*	
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*35*	
	Kéo cắt giấy	*Chiếc*	*35*	
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*03*	
	Kẹp xâu chỉ	*Chiếc*	*03*	
	Con lăn sao mẫu	*Chiếc*	*18*	
	Dập ghim	*Chiếc*	*18*	
	Bấm dấu	*Chiếc*	*18*	
	Cắt băng keo	*Chiếc*	*18*	
	Tấm kê trổ mẫu	*Tấm*	*18*	
26	Thước đo	Bộ	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Thước thẳng	*Chiếc*	*35*	
	Thước dây	*Chiếc*	*35*	
	Thước vuông	*Chiếc*	*35*	
	Thước cong	*Chiếc*	*35*	
	Thước kẹp	*Chiếc*	*35*	
27	Dụng cụ vẽ	Bộ	35	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Thước kẻ	*Chiếc*	*01*	
	Thước cong	*Chiếc*	*01*	
	Thước chữ T	*Chiếc*	*01*	
	Compa	*Chiếc*	*01*	
	Ê ke	*Chiếc*	*01*	
28	Thước đo độ cao (Martin)	Chiếc	1	- Chiều dài: (150 ÷ 200)mm - Phạm vi đo: (200 ÷ 300)mm
29	Bàn thiết kế	Chiếc	18	- Chiều cao: (70 ÷ 90)cm - Chiều dài: (120 ÷ 180)cm - Chiều rộng: (70 ÷ 90)cm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
30	Bàn giác mẫu	Chiếc	02	- Dài: (480 ÷ 500)cm - Rộng: (180 ÷ 200)cm - Cao: (70 ÷ 80)cm
31	Bàn trải vải	Chiếc	01	- Dài: (600 ÷ 1600)cm - Rộng: (100 ÷ 200)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
32	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	03	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (90 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
33	Bàn gấp sản phẩm	Bộ	06	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
34	Bàn kiểm tra sản phẩm	Chiếc	03	- Dài: (130 ÷ 160)cm - Rộng: (80 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
35	Bàn, ghế máy vi tính	Bộ	19	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
36	Ghế	Chiếc	02	- Không có tựa lưng - Chiều cao: (46 ÷ 50)cm - Kích thước mặt ghế: (40 ÷ 45)cm
37	Bảng vẽ	Chiếc	35	Rộng: ≥ 40cm; Dài: ≥ 60cm
38	Bảng pha màu	Chiếc	35	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
39	Bay nghiền màu	Chiếc	35	
40	Dao trổ	Chiếc	35	
41	Gọt bút chì	Chiếc	35	
42	Cọ vẽ (bút lông)	Bộ	35	
43	Cân móc	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
44	Cân bàn	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
45	Cầu là	Chiếc	03	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
46	Chặn vải	Chiếc	01	- Dài: ≤ 2500mm - Rộng: ≤ 100mm - Cao: ≤ 50mm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
47	Kẹp đứng	Chiếc	10	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
48	Kẹp ngang	Chiếc	10	
49	Que gạt	Chiếc	02	Kích thước: (80 ÷ 100)cm
50	Kính kiểm tra mật độ (Kính đếm sợi)	Chiếc	18	- Kích thước: (1 x 1) inch - Độ phóng đại: (6X ÷ 12X)
51	Kính hiển vi	Chiếc	02	Độ phóng đại: (30X ÷ 100X)
52	Kính lúp	Chiếc	09	Độ phóng đại: (12X ÷ 16X)
53	Kim đếm mật độ	Chiếc	18	Bằng thép không gỉ
54	Ấm đun nước	Chiếc	02	Dung tích: ≤ 3 lít
55	Ghim gài	Vỉ	03	Bằng thép không gỉ
56	Chân vịt tra khóa	Bộ	06	Phù hợp với yêu cầu sản phẩm
57	Chân vịt tra khóa giọt lệ	Bộ	06	
58	Dưỡng bổ túi	Bộ	03	Theo thông số chuẩn của từng loại túi
59	Dưỡng may cổ	Bộ	06	Theo thông số chuẩn của từng loại cổ
60	Dưỡng may măng sét	Bộ	06	Theo thông số chuẩn của từng loại măng sét
61	Đe tay	Chiếc	18	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
62	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	03	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
63	Máy tính cá nhân	Chiếc	09	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
64	Ma nơ canh bán thân	Bộ	02	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Ma nơ canh nam	*Chiếc*	*03*	
	Ma nơ canh nữ	*Chiếc*	*03*	
65	Ma nơ canh toàn thân	Bộ	02	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Ma nơ canh nam	*Chiếc*	*03*	
	Ma nơ canh nữ	*Chiếc*	*03*	
66	Bộ mẫu nguyên phụ liệu	Bộ	01	Đảm bảo đủ các mẫu nguyên phụ liệu cơ bản phù hợp với nội dung bài học
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Mẫu vải	*Mẫu*	*01*	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Mẫu xơ dệt	*Mẫu*	*01*	
	Mẫu chỉ	*Mẫu*	*01*	
	Mẫu phụ liệu dựng	*Mẫu*	*01*	
67	Dụng cụ pha chế	Bộ	06	Vật liệu thủy tinh hoặc tương đương
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Cốc	*Chiếc*	*01*	
	Que khuấy	*Chiếc*	*01*	
68	Các loại đồ cữ gá	Bộ	01	Phù hợp với từng sản phẩm
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Cữ lộn cổ	*Chiếc*	*01*	
	Cữ cuốn gấu	*Chiếc*	*01*	
	Cữ cuốn nẹp	*Chiếc*	*01*	
	Gá cuốn thép tay	*Chiếc*	*01*	
	Cữ viền mép	*Chiếc*	*01*	
	Cữ thùa, đính cúc	*Chiếc*	*01*	
69	Bộ treo sản phẩm	Bộ	*01*	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*	
	Móc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*	
70	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	01	Phù hợp trong nghề may
71	Tủ đựng sản phẩm, bài thực hành là	Chiếc	02	Theo kết cấu từng loại sản phẩm gấp và treo
72	Mẫu bán chế phẩm	Bộ	02	Đủ các bộ phận chủ yếu của: - Áo sơ mi nam, nữ - Quần âu nam, nữ - Áo jacket - Áo Vest nữ một lớp - Áo Veston nam - Váy, áo váy - Áo dài - Các sản phẩm nâng cao

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
73	Sản phẩm mẫu	Bộ	01	Đẹp, đúng yêu cầu môn học, mang tính thời trang
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Áo sơ mi nam, nữ cơ bản	*Chiếc*	*02*	
	Quần âu nam, nữ cơ bản	*Chiếc*	*02*	
	Váy nữ cơ bản	*Chiếc*	*02*	
	Áo sơ mi nam dài tay cổ đứng, chân rời	*Chiếc*	*01*	
	Áo bu dông nam cộc tay	*Chiếc*	*01*	
	Áo sơ mi nữ cổ 2 ve	*Chiếc*	*01*	
	Áo sơ mi nữ cổ lá sen	*Chiếc*	*01*	
	Quần âu nam 2 ly xuôi	*Chiếc*	*01*	
	Quần âu nam 1 ly lật	*Chiếc*	*01*	
	Quần âu nữ xăng ly ống côn	*Chiếc*	*01*	
	Áo gió hai lớp	*Chiếc*	*01*	
	Áo Jacket nam ba lớp dáng thẳng	*Chiếc*	*01*	
	Áo Jacket nữ ba lớp dáng eo	*Chiếc*	*01*	
	Áo vest nữ 1 lớp kiểu cổ bẻ	*Chiếc*	*01*	
	Áo vest nữ 1 lớp kiểu cổ đứng	*Chiếc*	*01*	
	Áo veston nam cổ ve chữ K (2 ve xuôi)	*Chiếc*	*01*	
	Áo veston nam 2 hàng khuy, ve xếch	*Chiếc*	*01*	
	Váy cơ bản	*Chiếc*	*01*	
	Váy xòe	*Chiếc*	*01*	
	Váy liền áo	*Chiếc*	*01*	
	Áo dài nữ cổ đứng tròn, tay raglan	*Chiếc*	*01*	
	Áo dài nữ cổ thuyền, tay raglan	*Chiếc*	*01*	
	Áo dài Thượng Hải	*Chiếc*	*01*	
	THIẾT BỊ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO			
74	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Âm ly	*Bộ*	*01*	*Phù hợp với công suất loa*

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Micro	*Chiếc*	*01*	*Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm*
	Loa	*Chiếc*	*01*	*Công suất loa: ≥ 20W*
75	Phần mềm giác sơ đồ	Bộ	01	Cài được 19 máy vi tính
76	Phần mềm đồ họa	Bộ	01	Cài được 19 máy vi tính
77	Phần mềm thiết kế mẫu	Bộ	01	Cài được 19 máy vi tính
78	Máy in màu	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
79	Bàn, ghế máy tính	Bộ	19	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
80	Máy vi tính	Bộ	19	Thông số kỹ thuật thông dụng tại thời điểm mua sắm
81	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ CẤP ĐỘ QUỐC GIA
NGHỀ MAY THỜI TRANG
Trình độ: Cao đẳng nghề

(Kèm theo Quyết định số 1730/QĐ-BLĐTBXH ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

STT	Họ và tên	Trình độ	Chức vụ trong Hội đồng thẩm định
1	Ông Quản Văn Giáo	Cử nhân Kinh tế	Chủ tịch Hội đồng
2	Bà Trần Thủy Bình	Tiến sỹ Quản trị thời trang	Phó Chủ tịch Hội đồng
3	Bà Võ Thị Hồng	Kỹ sư Chế biến lâm sản	Ủy viên Thư ký
4	Bà Lã Thị Ngọc Anh	Tiến sỹ Công nghệ dệt may và thời trang	Ủy viên
5	Bà Đỗ Phương Nga	Thạc sỹ Công nghệ dệt may	Ủy viên
6	Ông Bùi Huy Tùng	Tiến sỹ Vật liệu dệt may	Ủy viên
7	Bà Nguyễn Thị Đào	Cử nhân Công nghệ dệt may	Ủy viên

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 13a

DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ TRỌNG ĐIỂM CẤP ĐỘ QUỐC GIA NGHỀ NGHIỆP VỤ NHÀ HÀNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên nghề: Nghiệp vụ nhà hàng
Mã nghề: 40810203
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Năm 2015

Mục lục

Phần thuyết minh

Phần A. Danh mục thiết bị dạy nghề theo từng môn học, mô đun

Bảng 1. Danh mục thiết bị môn học: Tổng quan du lịch và khách sạn (MH 07)

Bảng 2. Danh mục thiết bị môn học: Tâm lý khách du lịch (MH 08)

Bảng 3. Danh mục thiết bị mô đun: Giao tiếp trong kinh doanh (MĐ 09)

Bảng 4. Danh mục thiết bị môn học: Văn hóa Ẩm thực (MH 10)

Bảng 5. Danh mục thiết bị môn học: Maketing Du lịch (MH 11)

Bảng 6. Danh mục thiết bị mô đun: Tổ chức sự kiện (MĐ 12)

Bảng 7. Danh mục thiết bị môn học: Quản lý chất lượng (MH 13)

Bảng 8. Danh mục thiết bị môn học: Môi trường và An ninh An toàn (MH 14)

Bảng 9. Danh mục thiết bị mô đun: Ngoại ngữ chuyên ngành (MĐ 15)

Bảng 10. Danh mục thiết bị môn học: Thương phẩm và An toàn thực phẩm (MH 16)

Bảng 11. Danh mục thiết bị mô đun: Xây dựng thực đơn (MĐ 17)

Bảng 12. Danh mục thiết bị môn học: Sinh lý dinh dưỡng (MH 18)

Bảng 13. Danh mục thiết bị môn học: Nghiệp vụ thanh toán (MH 19)

Bảng 14. Danh mục thiết bị mô đun: Kỹ năng bán hàng trong nhà hàng (MĐ 20)

Bảng 15. Danh mục thiết bị môn học: Tổ chức kinh doanh nhà hàng (MH 21)

Bảng 16. Danh mục thiết bị mô đun: Nghiệp vụ bàn (MĐ 22)

Bảng 17. Danh mục thiết bị mô đun: Nghiệp vụ bar (MĐ 23)

Bảng 18. Danh mục thiết bị mô đun: Nghiệp vụ chế biến món ăn (MĐ 24)

Bảng 19. Danh mục thiết bị mô đun: Nghiệp vụ lưu trú (MĐ 25)

Bảng 20. Danh mục thiết bị mô đun: Kỹ thuật trang trí, cắm hoa (MĐ 26)

Phần B. Tổng hợp các thiết bị dạy nghề cho các môn học, mô đun

Bảng 21. Danh mục thiết bị dạy nghề cho các môn học, mô đun

Danh sách Hội đồng thẩm định danh mục thiết bị dạy nghề Nghiệp vụ nhà hàng

PHẦN THUYẾT MINH

Danh mục thiết bị dạy nghề trọng điểm cấp độ quốc gia nghề Nghiệp nhà hàng trình độ trung cấp nghề là danh mục các loại thiết bị dạy nghề *(dụng cụ, mô hình, bộ phận của thiết bị, thiết bị hoàn chỉnh...)* và số lượng từng loại thiết bị dạy nghề mà trường, đào tạo nghề trên phải trang bị để tổ chức dạy và học cho 01 lớp học thực hành tối đa 18 học sinh và lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh. Danh mục này được xây dựng trên cơ sở chương trình dạy nghề trình độ trung cấp nghề, cấp độ quốc gia nghề Nghiệp vụ nhà hàng, ban hành kèm theo Quyết định số 761/QĐ-TCDN ngày 11 tháng 12 năm 2012 của Tổng cục trưởng Tổng cục Dạy nghề.

I. Nội dung danh mục thiết bị dạy nghề trọng điểm cấp độ quốc gia nghề Nghiệp vụ nhà hàng.

1. Phần A. Danh mục thiết bị dạy nghề theo từng môn học, mô đun.

Chi tiết từ bảng 01 đến bảng 20, danh mục thiết bị cho từng môn học, mô đun bao gồm:

- Chủng loại và số lượng thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu của môn học, mô đun.

- Yêu cầu sư phạm của thiết bị.

- Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị bao gồm các thông số kỹ thuật chính, cần thiết của thiết bị, đáp ứng yêu cầu của môn học, mô đun.

2. Phần B. Tổng hợp thiết bị dạy nghề cho các môn học, mô đun.

Bảng 21 - Danh mục thiết bị dạy nghề cho các môn học, mô đun. Trong bảng này:

- Chủng loại thiết bị là tất cả các thiết bị có trong danh mục thiết bị cho các môn học, mô đun;

- Số lượng thiết bị của từng chủng loại là số lượng đáp ứng yêu cầu của các môn học, mô đun;

- Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của mỗi chủng loại thiết bị đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật của chủng loại đó trong các môn học, mô đun.

II. Áp dụng danh mục thiết bị dạy nghề trọng điểm cấp độ quốc gia nghề Nghiệp vụ nhà hàng

Các trường đào tạo nghề Nghiệp vụ nhà hàng cấp độ quốc gia, trình độ trung cấp nghề đầu tư thiết bị dạy nghề theo:

1. Danh mục thiết bị dạy nghề cho các môn học, mô đun (bảng 21).

2. Quy mô, kế hoạch đào tạo cụ thể của trường (có tính đến thiết bị sử dụng chung giữa các nghề khác nhau trong trường).

Phần A
DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
THEO TỪNG MÔN HỌC, MÔ ĐUN

Bảng 1. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔN HỌC: TỔNG QUAN DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN

Tên nghề: Nghiệp vụ nhà hàng
Mã số môn học: MH 07
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy vi tính	Bộ	1	Phục vụ trình chiếu bài giảng, ảnh tư liệu	Thông số kỹ thuật thông dụng tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1		- Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi lument - Kích thước phông chiếu ≥ 1800mm x 1800mm
3	Hệ thống âm thanh trợ giảng	Bộ	1	Hỗ trợ về âm thanh phục vụ giảng dạy	Công suất: ≥ 40W
4	Loa máy tính	Bộ	1		Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
5	Quả địa cầu	Quả	1	Dùng để giới thiệu, tìm hiểu về các điểm du lịch	Kích thước phù hợp với yêu cầu giảng dạy

Bảng 2. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔN HỌC: TÂM LÝ KHÁCH DU LỊCH

Tên nghề: Nghiệp vụ nhà hàng
Mã số môn học: MH 08
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy vi tính	Bộ	1	Phục vụ trình chiếu bài giảng, ảnh tư liệu	Thông số kỹ thuật thông dụng tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1		- Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi lument - Kích thước phông chiếu ≥ 1800mm x 1800mm
3	Hệ thống âm thanh trợ giảng	Bộ	1	Hỗ trợ về âm thanh phục vụ giảng dạy	Công suất: ≥ 40W
4	Loa máy tính	Bộ	1		Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm

Bảng 3. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: GIAO TIẾP TRONG KINH DOANH

Tên nghề: Nghiệp vụ nhà hàng
Mã số mô đun: MĐ 09
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy vi tính	Bộ	1	Phục vụ trình chiếu bài giảng, ảnh tư liệu	Thông số kỹ thuật thông dụng tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1		- Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi lument - Kích thước phông chiếu ≥ 1800mm x 1800mm
3	Hệ thống âm thanh trợ giảng	Bộ	1	Hỗ trợ về âm thanh phục vụ giảng dạy	Công suất: ≥ 40W
4	Loa máy tính	Bộ	1		Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
5	Máy quay video	Chiếc	1	Dùng để ghi lại các thao tác trong quá trình thực hành, để đánh giá nhận xét	
6	Điện thoại bàn	Chiếc	4	Dùng để hướng dẫn thực hành giao tiếp qua điện thoại	
7	Gương soi	Chiếc	4	Dùng để hướng dẫn, rèn luyện tư thế tác phong cho người học	

Bảng 4. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔN HỌC: VĂN HÓA ẨM THỰC

Tên nghề: Nghiệp vụ nhà hàng
Mã số môn học: MH 10
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy vi tính	Bộ	1	Dùng để trình chiếu bài giảng, ảnh tư liệu và hướng dẫn thực hành nghiệp vụ	Thông số kỹ thuật thông dụng tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1		- Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi lument - Kích thước phông chiếu ≥ 1800mm x 1800mm
3	Hệ thống âm thanh trợ giảng	Bộ	1	Hỗ trợ về âm thanh phục vụ giảng dạy	Công suất: ≥ 40W
4	Loa máy tính	Bộ	1		Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm

Bảng 5. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔN HỌC: MARKETING DU LỊCH

Tên nghề: Nghiệp vụ nhà hàng
Mã số môn học: MH 11
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy vi tính	Bộ	1	Phục vụ trình chiếu bài giảng, ảnh tư liệu	Thông số kỹ thuật thông dụng tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1		- Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi lument - Kích thước phông chiếu ≥ 1800mm x 1800mm
3	Hệ thống âm thanh trợ giảng	Bộ	1	Hỗ trợ về âm thanh phục vụ giảng dạy	Công suất: ≥ 40W
4	Loa máy tính	Bộ	1		Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm

Bảng 6. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: TỔ CHỨC SỰ KIỆN

Tên nghề: Nghiệp vụ nhà hàng
Mã số mô đun: MĐ 12
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy vi tính	Bộ	1	Phục vụ trình chiếu bài giảng, ảnh tư liệu	Thông số kỹ thuật thông dụng tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1		- Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi lument - Kích thước phông chiếu ≥ 1800mm x 1800mm
3	Hệ thống âm thanh trợ giảng	Bộ	1	Hỗ trợ về âm thanh phục vụ giảng dạy	Công suất: ≥ 40W
4	Loa máy tính	Bộ	1		Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm

Bảng 7. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔN HỌC: QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Tên nghề: Nghiệp vụ nhà hàng
Mã số môn học: MH 13
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy vi tính	Bộ	1	Phục vụ trình chiếu bài giảng, ảnh tư liệu	Thông số kỹ thuật thông dụng tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1		- Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi lument - Kích thước phông chiếu ≥ 1800mm x 1800mm
3	Hệ thống âm thanh trợ giảng	Bộ	1	Hỗ trợ về âm thanh phục vụ giảng dạy	Công suất: ≥ 40W
4	Loa máy tính	Bộ	1		Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm

Bảng 8. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔN HỌC: MÔI TRƯỜNG AN NINH - AN TOÀN TRONG NHÀ HÀNG

Tên nghề: Nghiệp vụ nhà hàng
Mã số môn học: MH 14
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy vi tính	Bộ	1	Phục vụ trình chiếu bài giảng, ảnh tư liệu	Thông số kỹ thuật thông dụng tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1		- Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi lument - Kích thước phông chiếu ≥ 1800mm x 1800mm
4	Hệ thống âm thanh trợ giảng	Bộ	1	Hỗ trợ về âm thanh phục vụ giảng dạy	Công suất: ≥ 40W
5	Loa máy tính	Bộ	1		Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
6	Bộ thiết bị bảo vệ an ninh	Bộ	1	Dùng để giới thiệu và hướng dẫn sử dụng	Thông số kỹ thuật thông dụng tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Máy bộ đàm	*Chiếc*	*1*		
	Loa cầm tay	*Chiếc*	*1*		
	Tổng đài điện thoại	*Chiếc*	*1*		
7	Dụng cụ cứu thương	Bộ	1	Dùng để giới thiệu và hướng dẫn sử dụng	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về thiết bị y tế
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dụng cụ sơ cấp cứu	*Bộ*	*1*		
	Cáng cứu thương	*Chiếc*	*1*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
8	Dụng cụ phòng cháy chữa cháy	Bộ	1	Dùng để giới thiệu và hướng dẫn thực hành	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về thiết bị phòng cháy chữa cháy
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Bình chữa cháy	*Chiếc*	*3*		
	Bảng tiêu lệnh chữa cháy	*Bộ*	*1*		
	Cảm ứng nhiệt	*Bộ*	*1*		
	Cảm ứng khói	*Bộ*	*1*		
	Thiết bị kích hoạt cơ	*Bộ*	*1*		

Bảng 9. DANH MỤC THIẾT BỊ THIẾT BỊ MÔ ĐUN: NGOẠI NGỮ CHUYÊN NGÀNH

Tên nghề: Nghiệp vụ nhà hàng
Mã số mô đun: MĐ 15
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy vi tính	Bộ	36	Dùng để trình chiếu bài giảng, ảnh tư liệu và hướng dẫn thực hành nghiệp vụ	Thông số kỹ thuật thông dụng tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1		- Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi lument - Kích thước phông chiếu ≥ 1800mm x 1800mm
3	Hệ thống âm thanh trợ giảng	Bộ	1	Hỗ trợ về âm thanh phục vụ giảng dạy	Công suất: ≥ 40W
4	Loa máy tính	Bộ	1	Hỗ trợ về âm thanh phục vụ giảng dạy	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
5	Phần mềm hỗ trợ dạy tiếng Anh	Bộ	1	Hỗ trợ dạy tiếng Anh	

Bảng 10. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔN HỌC: THƯƠNG PHẨM VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Tên nghề: Nghiệp vụ nhà hàng
Mã số môn học: MH 16
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy vi tính	Bộ	1	Phục vụ trình chiếu bài giảng, ảnh tư liệu	Thông số kỹ thuật thông dụng tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1		- Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi lument - Kích thước phông chiếu ≥ 1800mm x 1800mm
3	Hệ thống âm thanh trợ giảng	Bộ	1	Hỗ trợ về âm thanh phục vụ giảng dạy	Công suất: ≥ 40W
4	Loa máy tính	Bộ	1		Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
5	Máy đo nhiệt độ, độ ẩm	Chiếc	1	Dùng để hướng dẫn kiểm tra nhiệt độ, độ ẩm kho nguyên liệu	Đo được: - Nhiệt độ: (-20°C đến -40°C) - Độ ẩm: 10 đến 90%
6	Máy đo hàm lượng độc tố	Chiếc	1	Dùng để hướng dẫn kiểm tra hàm lượng độc tố trong nguyên liệu	Phát hiện các chất tồn dư trong thực phẩm trong vòng 15 đến 20 giây
7	Máy sục ozone	Chiếc	1	Dùng để hướng dẫn khử độc tố trong nguyên liệu	Sản xuất ozone ≥ 70mgO_3/giờ

Bảng 11. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: XÂY DỰNG THỰC ĐƠN

Tên nghề: Nghiệp vụ nhà hàng
Mã số mô đun: MĐ 17
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy vi tính	Bộ	36	Dùng để trình chiếu bài giảng, ảnh tư liệu và hướng dẫn thực hành nghiệp vụ	Thông số kỹ thuật thông dụng tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1		- Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi lument - Kích thước phông chiếu ≥ 1800mm x 1800mm
3	Hệ thống âm thanh trợ giảng	Bộ	1	Hỗ trợ về âm thanh phục vụ giảng dạy	Công suất: ≥ 40W
4	Loa máy tính	Bộ	1		Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
5	Máy tính cá nhân	Chiếc	36	Dùng để tính toán làm bài tập	Loại 12 số

Bảng 12. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔN HỌC: SINH LÝ DINH DƯỠNG

Tên nghề: Nghiệp vụ nhà hàng
Mã số môn học: MH 18
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy vi tính	Bộ	1	Phục vụ trình chiếu bài giảng	Thông số kỹ thuật thông dụng tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Phục vụ trình chiếu bài giảng, ảnh tư liệu	- Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi lument - Kích thước phông chiếu ≥ 1800mm x 1800mm
3	Hệ thống âm thanh trợ giảng	Bộ	1	Hỗ trợ về âm thanh phục vụ giảng dạy	Công suất: ≥ 40W
4	Loa máy tính	Bộ	1		Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm

Bảng 13. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: NGHIỆP VỤ THANH TOÁN

Tên nghề: Nghiệp vụ nhà hàng
Mã số mô đun: MĐ 19
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy vi tính	Bộ	36	Dùng để trình chiếu bài giảng, ảnh tư liệu và hướng dẫn thực hành nghiệp vụ	Thông số kỹ thuật thông dụng tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1		- Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi lument - Kích thước phông chiếu ≥ 1800mm x 1800mm
3	Hệ thống âm thanh trợ giảng	Bộ	1	Hỗ trợ về âm thanh phục vụ giảng dạy	Công suất: ≥ 40W
4	Loa máy tính	Bộ	1		Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
5	Máy cà thẻ POS (Mô hình) điện tử	Chiếc	1	Dùng để hướng dẫn và thực hành thanh toán	Mô hình thông dụng tại thời điểm mua sắm
6	Phần mềm thanh toán	Bộ	1		Thông số kỹ thuật thông dụng tại thời điểm mua sắm
7	Máy đếm tiền	Chiếc	1		
8	Máy tính tiền	Bộ	1		Lưu trữ được ≥ 1000 mã hoặc 100 bàn

Bảng 14. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: KỸ NĂNG BÁN HÀNG TRONG NHÀ HÀNG

Tên nghề: Nghiệp vụ nhà hàng
Mã số mô đun: MĐ 20
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy vi tính	Bộ	1	Dùng để trình chiếu bài giảng, ảnh tư liệu và hướng dẫn thực hành nghiệp vụ	Thông số kỹ thuật thông dụng tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1		- Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi lument - Kích thước phông chiếu ≥ 1800mm x 1800mm
3	Hệ thống âm thanh trợ giảng	Bộ	1	Hỗ trợ về âm thanh phục vụ giảng dạy	Công suất: ≥ 40W
4	Loa máy tính	Bộ	1		Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm

Bảng 15. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔN HỌC: TỔ CHỨC KINH DOANH NHÀ HÀNG

Tên nghề: Nghiệp vụ nhà hàng
Mã số môn học: MH 21
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy vi tính	Bộ	1	Phục vụ trình chiếu bài giảng, ảnh tư liệu	Thông số kỹ thuật thông dụng tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1		- Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi lument - Kích thước phông chiếu ≥ 1800mm x 1800mm
3	Hệ thống âm thanh trợ giảng	Bộ	1	Hỗ trợ về âm thanh phục vụ giảng dạy	Công suất: ≥ 40W
4	Loa máy tính	Bộ	1		Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
5	Phần mềm Quản lý nhà hàng	Bộ	1	Giới thiệu về các hoạt động quản lý và sử dụng phần mềm quản lý nhà hàng	Thông dụng tại thời điểm mua sắm

Bảng 16. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: NGHIỆP VỤ BÀN

Tên nghề: Nghiệp vụ nhà hàng
Mã số mô đun: MĐ 22
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy vi tính	Bộ	1	Dùng để trình chiếu bài giảng, ảnh tư liệu và hướng dẫn thực hành nghiệp vụ	Thông số kỹ thuật thông dụng tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1		- Cường độ sáng ≥ 2500 Ansi lument - Kích thước phông chiếu ≥ 1800mm x 1800mm
3	Hệ thống âm thanh trợ giảng	Bộ	1	Hỗ trợ về âm thanh phục vụ giảng dạy	Công suất: ≥ 40W
4	Loa máy tính	Bộ	1		Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
5	Bảng viết	Chiếc	1	Sử dụng trong quá trình giảng dạy	Mặt mica, chân đỡ bằng nhựa/inox
6	Máy rửa chén, ly	Chiếc	1	Dùng để rèn luyện kỹ năng làm sạch đồ sứ và thủy tinh trong nhà hàng	Loại có thông số kỹ thuật thông dụng tại thời điểm mua sắm
7	Máy rửa bát, đĩa	Chiếc	1		
8	Máy làm đá viên	Chiếc	1	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng làm đá và phục vụ	Năng suất ≥ 30kg/ngày
9	Máy xay đá	Chiếc	1	Dùng để giới thiệu thiết bị và phối hợp sử dụng với bộ phận Bar	Công suất: ≥ 180W
10	Máy ép trái cây	Chiếc	6	Dùng để hướng dẫn thực hành ép trái cây phục vụ pha chế đồ uống	Công suất: ≥ 220W

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
11	Máy vắt cam	Chiếc	6	Dùng để hướng dẫn thực hành vắt cam trong pha chế đồ uống	Công suất: ≥ 25W
12	Máy đánh trứng	Chiếc	6	Dùng để hướng dẫn thực hành đánh trứng, phục vụ khách	Công suất ≥ 180W
13	Máy nướng bánh mỳ	Chiếc	1	Dùng để hướng dẫn thực hành nướng bánh mỳ phục vụ trong nhà hàng	Công suất ≤ 2 KW
14	Tủ lạnh	Chiếc	2	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng sắp xếp, bảo quản thực phẩm	Dung tích ≥ 450 lít
15	Tủ ướp lạnh ly	Chiếc	1	Dùng để hướng dẫn và thực hành kỹ năng làm lạnh ly để phục vụ	Công suất ≥ 110W
16	Tủ làm nóng đĩa	Chiếc	1	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng làm nóng dụng cụ trong phục vụ khách	Công suất: 300W ÷ 315W
17	Bếp gas du lịch	Chiếc	6	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng phục vụ khách ăn tại bàn, trên xe đẩy	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
18	Bếp từ	Chiếc	3	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng phục vụ khách ăn tại bàn	Công suất ≥ 1,8kW
19	Ấm đun nước	Chiếc	3	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng pha đồ uống nóng	Công suất: 1000W ÷ 2000W
20	Xe phục vụ rượu	Chiếc	3	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng phục vụ rượu lưu động trong nhà hàng	Kích thước: - Cao: 50cm ÷ 75cm - Rộng: 50cm ÷ 70cm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
21	Xe phục vụ món ăn	Chiếc	3	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng phục vụ món ăn tại bàn	- Chất liệu: Inox - Kích thước + Dài: ≥ 90cm + Rộng: ≥ 50cm + Cao: ≥ 80cm
22	Xe vận chuyển bàn ghế	Chiếc	3	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng sắp xếp, vận chuyển bàn trong nhà hàng	- Cao: 100cm ÷ 120cm - Rộng: 50cm ÷ 70cm
23	Quầy bar	Chiếc	1	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng sắp xếp dụng cụ và giao tiếp, bán hàng tại quầy bar	Chất liệu: Gỗ
24	Tủ cất giữ dụng cụ phục vụ	Chiếc	2	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng sắp xếp, bảo quản các dụng cụ ăn uống trong nhà hàng	Kích thước: - Dài: 200cm ÷ 250cm - Rộng: 150cm ÷ 200cm - Cao: 150cm ÷ 200cm
25	Tủ bảo quản rượu vang	Chiếc	1	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng sắp xếp, bảo quản rượu vang	- Có khả năng cất trữ từ 30 chai rượu trở lên. - Công suất: 200W ÷ 220W
26	Bàn chữ nhật	Chiếc	6	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng đặt bàn và phục vụ khách	Kích thước: - Dài: 140cm ÷ 150cm - Rộng: 80cm ÷ 100cm - Cao: 75cm ÷ 80cm
27	Bàn vuông	Chiếc	6	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng đặt bàn và phục vụ khách	Kích thước - Dài: ≥ 100cm - Rộng: ≥ 100cm - Cao: ≥ 75cm
28	Bàn bán nguyệt	Chiếc	6	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng đặt bàn và phục vụ khách	- Đường kính: ≥ 80cm; - Cao ≥ 75cm
29	Bàn tròn	Chiếc	6	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng đặt bàn và phục vụ khách	- Đường kính ≥ 1m - Cao ≥ 75cm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
30	Ghế tựa (ngồi)	Chiếc	24	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng đặt bàn và phục vụ khách	Kích thước - Cao: ≥ 100cm - Rộng: ≥ 45cm - Dài: ≥ 45cm
31	Đũa	Đôi	24	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng đặt bàn và phục vụ khách	Chất liệu: Gỗ
32	Nồi hâm nóng thức ăn	Bộ	1	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng sắp đặt bàn tiệc	
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Loại hình tròn	*Chiếc*	*2*		*- Chất liệu: Inox* *- Dung tích: ≥ 6L*
	Loại hình chữ nhật	*Chiếc*	*4*		*- Chất liệu: Inox* *- Dung tích: ≥ 8,5L*
33	Xô ướp lạnh rượu	Chiếc	6	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng ướp lạnh	Chất liệu: Inox
34	Kẹp gắp thức ăn	Bộ	19	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng gắp thức ăn phục vụ khách	
35	Xẻng xúc bánh	Chiếc	6	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng lấy bánh	
36	Đục lõi trái cây	Chiếc	6	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng đục lõi trái cây	
37	Xô đựng đá	Bộ	6	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng phục vụ khách	
38	Phin cà phê cá nhân	Chiếc	19	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng pha cà phê	
39	Bình lắc	Bộ	1	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng pha chế đồ uống	Thông dụng tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Bình lắc Boston	*Chiếc*	*19*		
	Bình lắc Shaker	*Chiếc*	*19*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
40	Rây lọc	Chiếc	19	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng lọc trong pha chế đồ uống	Thông dụng tại thời điểm mua sắm
41	Dụng cụ đong rượu	Chiếc	5	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng đong rượu	Chất liệu: Inox, định lượng 2 đầu
42	Bình đánh bọt sữa	Chiếc	6	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng pha cà phê Latte và Irish	Chất liệu bằng thép không gỉ (Inox)
43	Dụng cụ mở hộp	Chiếc	6	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng phục vụ	Chất liệu: Inox
44	Dụng cụ múc kem	Chiếc	2		
45	Dụng cụ mở bia	Chiếc	19		
46	Dụng cụ mở rượu	Chiếc	19		
47	Nút đậy chai có vòi rót	Chiếc	19		
48	Đục lõi trái cây	Chiếc	6		
49	Kẹp gắp thức ăn	Bộ	19		
50	Kẹp cua	Chiếc	24		
51	Kẹp vắt	Chiếc	6		
52	Kẹp gắp	Chiếc	6		
53	Muôi	Chiếc	6	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng phục vụ trong bữa ăn của khách	Chất liệu bằng sứ hoặc Inox
54	Dụng cụ lọc trà	Chiếc	6	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng pha, lọc trà	Chất liệu bằng lưới thép không gỉ
55	Bộ dao ăn	Bộ	1	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng đặt bàn và phục vụ khách	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Dao ăn cỡ lớn	*Chiếc*	*24*		*- Chất liệu: Inox* *- Dài ≤ 25cm*
	Dao ăn cỡ trung	*Chiếc*	*48*		*- Chất liệu: Inox* *- Dài ≤ 20cm*

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Dao ăn bơ	*Chiếc*	*24*		*- Chất liệu: Inox* *- Dài ≥ 15 cm*
	Dao ăn cá	*Chiếc*	*24*		*- Chất liệu: Inox* *- Dài ≤ 25cm*
	Dao ăn thịt	*Chiếc*	*24*		*- Chất liệu: Inox* *- Dài ≤ 25cm*
	Dao cắt phomat	*Chiếc*	*24*		*- Chất liệu: Inox* *- Dài ≤ 30cm*
56	*Dao cắt, thái, tỉa*	*Bộ*	*6*		*- Chất liệu: Thép không rỉ* *- Dài: 15cm ÷ 25cm*
	Dao cắt bánh	*Chiếc*	*24*		*- Chất liệu: Thép không rỉ* *- Dài 30cm ÷ 40cm*
	Dao cắt bánh	*Chiếc*	*6*		*- Chất liệu: Thép không rỉ* *- Dài 30cm ÷ 40cm*
	Dao gọt hoa quả	*Chiếc*	*6*		*- Chất liệu: Thép không rỉ* *- Dài: 20cm ÷ 25cm*
	Dao cắt hoa quả	*Chiếc*	*6*		*- Chất liệu: Thép không rỉ* *- Dài: 25cm ÷ 30cm*
57	Bộ thìa	Bộ	1	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng đặt bàn và phục vụ khách	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Thìa ăn chính	*Chiếc*	*24*		*- Chất liệu: Inox* *- Dài: 10cm ÷ 15cm*
	Thìa ăn khai vị	*Chiếc*	*24*		*- Chất liệu: Inox* *- Dài: 20cm ÷ 25cm*
	Thìa súp tròn	*Chiếc*	*24*		*- Chất liệu: Inox* *- Dài: 20cm ÷ 25cm*
	Thìa ăn tráng miệng	*Chiếc*	*24*		*- Chất liệu: Inox* *- Dài: 10 ÷ 15cm*
	Thìa cà phê	*Chiếc*	*24*		*- Chất liệu: Inox* *- Dài: 10cm ÷ 15cm*
	Thìa sứ	*Chiếc*	*24*		*- Chất liệu sứ* *- Dài: 10cm ÷ 15cm*

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Thìa khuấy	*Chiếc*	*19*		*- Chất liệu: Inox* *- Dài: 30cm ÷ 35cm*
	Thìa dĩa phục vụ (Service gear)	*Bộ*	*19*		*- Chất liệu: Inox* *- Dài: 20cm ÷ 30cm*
58	Bộ dĩa	Bộ	1	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng đặt bàn	
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dĩa cỡ lớn	*Chiếc*	*24*		*- Chất liệu: Inox* *- Dài ≤ 25cm*
	Dĩa cỡ trung	*Chiếc*	*48*		*- Chất liệu: Inox* *- Dài ≤ 20cm*
	Dĩa ăn thịt	*Chiếc*	*24*		*- Chất liệu: Inox* *- Dài ≤ 25cm*
	Dĩa ăn cá	*Chiếc*	*24*		*- Chất liệu: Inox* *- Dài ≤ 20cm*
	Dĩa ăn tráng miệng	*Chiếc*	*24*		*- Chất liệu: Inox* *- Dài: 10cm ÷ 15cm*
59	Thố đường	Chiếc	06	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng đặt bàn	Thông dụng tại thời điểm mua sắm
60	Thố sữa	Chiếc	06		
61	Bộ lọ đặt bàn khách	Bộ	6	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng đặt bàn và phục vụ	Chất liệu bằng sứ
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Lọ muối	*Chiếc*	*1*		
	Lọ tiêu	*Chiếc*	*1*		
	Lọ tăm	*Chiếc*	*1*		
	Gạt tàn	*Chiếc*	*2*		
	Lọ hoa	*Chiếc*	*1*		
62	Gối kê đũa, thìa	Bộ	24	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng đặt bàn và phục vụ	Chất liệu bằng sứ
63	Bình cắm hoa	Bộ	1	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng đặt bàn trang trí bàn ăn, bàn tiệc, bàn buffet	Chất liệu: Sứ, màu sắc và hoa văn khác nhau
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Loại cao 25 cm	*Chiếc*	*19*		
	Loại cao 30 cm	*Chiếc*	*19*		
	Loại cao 35 cm	*Chiếc*	*19*		
	Loại cao 40 cm	*Chiếc*	*19*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
64	Bát hoa	Chiếc	6		
65	Khay đựng khăn lạnh	Bộ	24	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng đặt bàn và phục vụ khách	Chất liệu bằng sứ/gỗ/mây
66	Bộ bát	Bộ	1	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng đặt bàn và phục vụ	
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Bát ăn cơm	*Chiếc*	*24*		*- Chất liệu: Sứ trắng* *- Đường kính ≤ 10cm*
	Bát ăn xúp Á	*Chiếc*	*24*		*- Chất liệu: Sứ trắng* *- Đường kính ≤ 7cm*
	Bát ăn xúp Âu có nắp	*Chiếc*	*24*		*- Chất liệu: Sứ trắng* *- Đường kính 10cm ÷ 12cm*
	Bát tô đựng canh	*Chiếc*	*6*		*- Chất liệu: Sứ trắng* *- Đường kính ≤ 20cm*
67	Ấm trà	Chiếc	6	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng phục vụ khách	Chất liệu: Sứ trắng
68	Tách trà	Chiếc	24		Chất liệu bằng sứ, kích cỡ, hoa văn phù hợp với ấm
69	Dụng cụ lọc trà	Chiếc	6		Chất liệu bằng lưới thép không gỉ
70	Hộp đựng trà	Chiếc	6		Chất liệu bằng sứ hoặc gỗ
71	Tách cà phê Capuchino	Chiếc	24		Chất liệu bằng sứ
72	Tách cà phê Espresso	Chiếc	24		
73	Thuyền đựng xốt	Chiếc	6	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng phục vụ các loại xốt khác nhau	Chất liệu: Sứ trắng
74	Bình lọc rượu (decante)	Chiếc	6	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng phục vụ và pha chế đồ uống	Chất liệu bằng thủy tinh, có vòi rót
75	Bình thủy tinh (carafe)	Chiếc	6		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
76	Bình thủy tinh không quai	Chiếc	6		
77	Bình inox có tay cầm	Chiếc	6		
78	Ly các loại	Bộ	1	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng đặt bàn và phục vụ	Chất liệu: Thủy tinh
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Ly tròn cao (Highball)	*Chiếc*	*24*		
	Ly nước (Water globet)	*Chiếc*	*24*		
	Ly vang đỏ (Red wine glass)	*Chiếc*	*24*		
	Ly vang trắng (White wine glass)	*Chiếc*	*24*		
	Ly sâm panh hình ống (Champagne Flute)	*Chiếc*	*24*		
	Ly sâm panh hình bán cầu (Champagne Saucer)	*Chiếc*	*24*		
	Ly rượu mùi (Liqueur)	*Chiếc*	*24*		
	Ly tròn thấp (Juice)	*Chiếc*	*24*		
	Ly Pilsner	*Chiếc*	*24*		
	Ly Irish coffee	*Chiếc*	*24*		
	Ly Brandy	*Chiếc*	*24*		
	Ly Margarita	*Chiếc*	*24*		
	Ly Cocktail	*Chiếc*	*24*		
	Ly Rock	*Chiếc*	*24*		
	Ly bia không quai	*Chiếc*	*24*		
	Ly bia có quai	*Chiếc*	*24*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Ly Poco	*Chiếc*	*24*		
	Ly kem	*Chiếc*	*24*		
	Ly trộn (Mixing glass)	*Chiếc*	*24*		
79	Đồ vải nhà hàng	Bộ	1	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng phục vụ và trang trí bàn khách	
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Khăn lót khay hình chữ nhật	*Chiếc*	*19*		*Loại thông dụng, phù hợp với khay*
	Khăn lót khay hình tròn	*Chiếc*	*19*		
	Khăn ăn	*Chiếc*	*24*		*Loại thông dụng, đảm bảo vệ sinh*
	Khăn phục vụ	*Chiếc*	*19*		*Kích thước: 40cm x 40cm đến 70cm x 70cm*
	Khăn trải bàn vuông	*Chiếc*	*6*		*Kích cỡ phù hợp với bàn ăn*
	Khăn trải bàn chữ nhật	*Chiếc*	*6*		
	Khăn trải bàn tròn	*Chiếc*	*4*		
	Khăn nỉ bọc mặt bàn vuông	*Chiếc*	*6*		*Kích cỡ phù hợp với kích cỡ bàn ăn*
	Khăn nỉ bọc mặt bàn chữ nhật	*Chiếc*	*6*		
	Khăn nỉ bọc mặt bàn tròn	*Chiếc*	*4*		
	Khăn trang trí	*Chiếc*	*6*		
	Rèm buffet	*Chiếc*	*6*		*Kích cỡ phù hợp với kích cỡ bàn*
	Khăn bàn boxing	*Chiếc*	*6*		*Kích thước phù hợp với bàn*
	Bọc ghế có nơ	*Chiếc*	*24*		*Kích thước phù hợp với ghế*
	Găng tay vải	*Đôi*	*19*		*Vải thun trắng*

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
80	Giỏ đựng bánh mỳ	Chiếc	6	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng phục vụ khách	Chất liệu bằng mây hoặc inox
81	Giỏ rượu vang	Chiếc	6	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng phục vụ khách	Loại đang được sử dụng tại các nhà hàng, chất liệu bằng mây hoặc inox
82	Thớt	Chiếc	6	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng cắt thái, sơ chế nguyên liệu phục vụ	- Bằng gỗ không độc hại - Đường kính ≥ 40cm, độ dày 10cm ÷ 12cm
83	Dụng cụ mài dao	Chiếc	6	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng mài dao	Dài ≥ 25cm
84	Khay phục vụ	Bộ	1	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng bưng bê và thu dọn đồ	Loại chống trơn trượt
	Mỗi bộ bao gồm				
	Khay tròn cỡ lớn	*Chiếc*	*6*		*Đường kính: ≤ 405mm*
	Khay tròn cỡ trung	*Chiếc*	*6*		*Đường kính: ≤ 355mm*
	Khay tròn cỡ nhỏ	*Chiếc*	*6*		*Đường kính: ≤ 275mm*
	Khay chữ nhật cỡ lớn	*Chiếc*	*6*		*Kích thước: ≤ (450 x 360)mm*
	Khay chữ nhật cỡ trung	*Chiếc*	*6*		*Kích thước: ≤ (300 x 410)mm*
	Khay chữ nhật cỡ nhỏ	*Chiếc*	*6*		*Kích thước: ≤ (560 x 400)mm*
	Khay hình oval	*Chiếc*	*6*		*Đường kính: 28cm ÷ 40cm*
85	Đĩa các loại	Bộ	1	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng đặt bàn và phục vụ các món	*Chất liệu: Sứ trắng*
	Mỗi bộ bao gồm				
	Đĩa bánh mỳ	*Chiếc*	*24*		
	Đĩa kê Âu	*Chiếc*	*24*		
	Đĩa súp sâu lòng	*Chiếc*	*24*		
	Đĩa ăn món chính	*Chiếc*	*24*		
	Đĩa Ô van	*Chiếc*	*24*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Đĩa sa lát	*Chiếc*	*24*		
	Đĩa tráng miệng	*Chiếc*	*24*		
	Đĩa kê Á	*Chiếc*	*24*		
	Đĩa kê tách trà, cà phê	*Chiếc*	*24*		
	Đĩa kê ấm trà	*Chiếc*	*6*		*Chất liệu: Sứ trắng, đĩa kê phù hợp với kích cỡ ấm trà*
	Đĩa kê khăn lạnh	*Chiếc*	*24*		*Chất liệu: Sứ trắng*
86	Máy hút bụi	Chiếc	3	Dùng để hướng dẫn, thực hành kỹ năng làm vệ sinh nhà hàng	Công suất: ≤ 750W
87	Máy đánh sàn	Chiếc	1		- Công suất: ≥ 1800W - Dung tích bình chứa: ≥ 20 lít - Kèm theo các loại bàn cọ khác nhau
88	Cây lau sàn	Chiếc	3		Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
89	Cây đẩy bụi (Cây đớt sàn)	Chiếc	3		
90	*Chổi cọ có cán*	*Chiếc*	3		
91	Thùng đựng rác	*Chiếc*	3		

(Xem tiếp Công báo số 347 + 348)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng